

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT

Ngày: 23-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và Tranh chấp về giao dịch dân sự

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tỷ

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Thuấn

Bà Dương Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23-5-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-KDTM ngày 02/01/2019 (Thụ lý cũ số: 04/2018/TLPT-KDTM 06/12/2018) về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tranh chấp về giao dịch dân sự*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2018/KDTM-ST ngày 18-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT, ngày 06-3-2019, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Số 130 L, phường 3, quận N, Thành phố M

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Tô Minh T- Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á, chi nhánh Kon Tum (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Minh T là ông Nguyễn Văn Ph- Chuyên viên Phát triển kinh doanh khách hàng doanh nghiệp (Có mặt).

Địa chỉ: Số 421 đường Trần Phú, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Công ty T.

Địa chỉ: Tổ 01, phường M, thành phố T, tỉnh T.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn là:* Ông Nguyễn Hữu T - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 328-330 Phan Xích Long, phường 7, quận N, thành phố M (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T là:* Ông Đỗ Thanh S

Địa chỉ: Số 189/36 Đặng Văn Bi, phường T, quận Đ, thành phố M (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ B.

Địa chỉ: 269 tổ 4, Ấp Cây Chàm, phường P, thị xã T, tỉnh D

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thành N- Giám đốc

Địa chỉ: Số 328-330 Phan Xích Long, phường 7, quận N, thành phố M (Vắng mặt).

+ Công ty cổ phần H.

Địa chỉ: Tổ 10, KV7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Q, tỉnh Đ

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thành Minh – Giám đốc

Địa chỉ: Số 22 Trần Anh Tông, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Q, tỉnh Đ (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thành N và bà Đinh Thị H.

Cùng địa chỉ: Số 328-330 Phan Xích Long, phường 7, quận N, thành phố M (Vắng mặt).

+ Ông Đỗ Thanh S (Có mặt) và bà Trần Thị Thanh T (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 189/36 Đặng Văn Bi, phường Trường Thọ, quận Đ, thành phố M.

Ông Đỗ Thanh S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ B; Công ty cổ phần H; Công ty T, ông Nguyễn Thành N; bà Đinh Thị H và bà Trần Thị Thanh T (Ông S có mặt).

+ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh T.

Người đại diện hợp pháp là ông Bùi Minh T – Giám đốc

Địa chỉ: Số 30/1 Kp Bình Hòa, Thuận An, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Đ.

Người đại diện hợp pháp là ông Đỗ Trung K – Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 331-333- 335 Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Kon Tum trình bày và yêu cầu giải quyết:

1. Ngày 04/8/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0211/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay (vốn gốc): 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*).

- Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

-Thời hạn vay: 06 tháng (từ 04/8/2011 đến 04/02/2012).

- Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp 04 lô gỗ xẻ Chò và gỗ xẻ Keo tổng khối lượng 1106,543 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2716/TC.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

- Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 2.700.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 253.200.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 6.079.770.000 đồng.

Tổng cộng: 9.032.970.000 đồng.

2. Ngày 11/8/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0212/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 11/08/2011 đến 11/02/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 1055,83 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2188/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 110.400.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 4.381.200.000 đồng.

Tổng cộng: 6.491.600.000 đồng.

3. Ngày 19/8/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0215/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 19/08/2011 đến 19/02/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 1055,83 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2188/TC (cùng tài sản với Hợp đồng vay số H0212/1).

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 900.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 49.140.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 1.965.870.000 đồng

Tổng cộng: 2.915.010.000 đồng.

4. Ngày 09/9/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0216/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 09/9/2011 đến 09/3/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 1055,83 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2188/TC (cùng tài sản với Hợp đồng vay số H0212/1).

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 109.200.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 2.166.300.000 đồng.

Tổng cộng: 3.275.500.000 đồng.

5. Ngày 09/11/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0220/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 4.950.000.000 đồng (*Bốn tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 09/11/2011 đến 09/05/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thẻ chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 1187,07 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2347/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Số tiền nợ quá hạn: Vốn gốc: 4.950.000.000 đồng, sau khi bán một số tài sản cầm trù nợ còn lại:

Vốn gốc: 2.510.150.000 đồng ; lãi vay trong hạn: 540.540.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 7.033.635.540 đồng.

Tổng cộng: 10.084.325.540 đồng.

6. Ngày 11/11/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0223/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 09/11/2011 đến 09/05/2012)

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thẻ chấp lô gỗ xẻ Chò khối lượng 119,902 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2352/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 900.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 98.280.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 1.898.640.000 đồng.

Tổng cộng: 2.896.920.000 đồng.

7. Ngày 03/12/2011, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0224/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 03/12/2011 đến 02/06/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 948,36 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2377/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 2.700.000.000 đồng; Lãi vay trong hạn: 294.840.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 5.642.460.000 đồng.

Tổng cộng: 8.637.300.000 đồng.

**8.** Ngày 03/01/2012, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0227/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 4.250.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 03/01/2012 đến 03/07/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Bạch đàn khối lượng 667,08 m<sup>3</sup> + lô gỗ trầm keo 248,254 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2413/TC và lô gỗ Bạch đàn 948,36 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng vay H0224/1.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Số tiền nợ quá hạn: Vốn gốc: 4.250.000.000 đồng, sau khi bán một số tài sản cần trừ nợ còn lại: Vốn gốc: 3.222.746.122 đồng; Lãi vay trong hạn: 464.100.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 7.549.482.555 đồng.

Tổng cộng: 11.236.328.677 đồng.

**9.** Ngày 09/01/2012, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số H0229/1 với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 06 tháng (từ 09/01/2012 đến 09/7/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp lô gỗ xẻ Hương + Cẩm lai và Trắc tổng khối lượng 102,292 m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số H2424/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Số tiền nợ quá hạn:

Vốn gốc: 2.700.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 294.840.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2010): 5.552.550.000 đồng.

Tổng cộng: 8.547.390.000 đồng.

**10.** Ngày 12/01/2012, Ngân hàng TMCP Đông Á–PGD Kon Tum (nay là Ngân hàng TMCP Đông Á- CN Kon Tum) đã ký Hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số **H0230/1** với Công ty Cổ Phần Đức Nhân. Theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*).

Lãi suất: 1,8 %/tháng (21,6%/năm) – lãi suất này được điều chỉnh hàng tháng tùy theo tình hình biến động của thị trường.

Thời hạn vay: 03 tháng (từ 12/01/2012 đến 12/04/2012).

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp 04 lô gỗ tròn nhóm 1-8 theo Hợp đồng thế chấp số H2425/TC và lô đất 410m<sup>2</sup> tại P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số H0326/TC.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Số tiền nợ quá hạn: Vốn gốc: 1.600.000.000 đồng, sau khi ông Sơn nộp 1.200.000.000đ hoạch toán trừ nợ còn lại:

Vốn gốc: 400.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 103.740.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 1.901.970.000 đồng.

Tổng cộng: 2.405.710.000 đồng.

TỔNG CỘNG DƯ NỢ QUÁ HẠN:

Vốn gốc: 19.032.896.122 đồng.

Lãi vay trong hạn: 2.318.280.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 44.171.878.095 đồng.

Tổng cộng: 65.523.054.217 đồng (*Sáu mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm mười bảy đồng*).

Ngày 24/6/2013 ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Đức Nhân trả số tiền 23.700.000.000đ (Gốc) – 3.467.103.878đ (Tiền bán máy móc thiết bị, gỗ thành phẩm và gỗ) – 1.200.000.000đ (Tiền ông Sơn nộp đại diện cho Đức Nhân trả nợ) = 19.032.896.122đ (Gốc). Như vậy, số tiền ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum thanh toán toàn bộ dư nợ tại Ngân hàng. Trong quá trình đàm phán với khách hàng, đối với tài sản là bất động sản tại P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM thuộc QSH của ông Nguyễn Thành Nhơn và bà Đinh Thị Hiền dùng để bảo lãnh cho Công ty CP Đức Nhân Kon Tum đảm bảo cho khoản vay 2.800.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng (từ 12/01/2012 đến 12/04/2012), lãi suất 1,8%/tháng. Vào thời điểm 18/9/2014 ông Nguyễn Thành Nhơn và Bà Đinh Thị Hiền đã tự ý thỏa thuận mua bán để bán tài sản trên cho ông Đỗ Thanh Sơn trong khi chưa hoàn thành nghĩa vụ đối với DAB.

Ngày 18/9/2014 Công ty cổ phần Đức Nhân có gửi công văn số 166 đến Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Kon Tum đề nghị nộp số tiền 2.800.000.000đ và toàn bộ lãi + lãi quá hạn phát sinh. Ngày 31/12/2014 khách hàng chỉ đến thanh toán 1.200.000.000đ và không tiếp tục thanh toán cho DAB theo như thỏa thuận.

Đến thời điểm năm 2017 ông Đỗ Thanh Sơn yêu cầu được thanh toán số tiền 1.600.000.000đ để giải chấp tài sản là BĐS trên. Nhưng ngày 23/6/2017 Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Á có gửi thông báo số 1396/DAB-KTD để trả lời về việc từ chối yêu cầu của ông Sơn với lý do ông Sơn không nộp tiền theo như thỏa thuận mà chỉ nộp được 1.200.000.000đ.

Đối với mức lãi suất trong hạn và quá hạn của 10 HĐTD còn dư nợ của Công ty cổ phần Đức Nhân, Ngân hàng không đồng ý điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ với lý do Công ty cổ phần Đức Nhân đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên không được hưởng các chế độ ưu đãi của Ngân hàng. Còn đối với việc “lãi điều chỉnh hàng tháng” ghi trong HĐTD chỉ áp dụng đối với khoản vay trong hạn.

Với mức lãi suất trong hạn 21,6%/năm và mức lãi suất quá hạn 32,4%/năm tại thời điểm phát sinh cho vay, Ngân hàng Đông Á đã làm đúng quy định của Ngân hàng Nhà Nước quy định. Mức lãi suất không vượt quá 150% lãi suất vay trong hạn (theo **điều 11** Quyết định số **1627/2011/QĐ-NHNN** ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành).

Trong quá trình sau khi Công ty cổ phần Đức Nhân mất khả năng thanh toán, ngân hàng không nhận được bất kỳ công văn đề nghị miễn giảm lãi nào từ Công ty cổ phần Đức Nhân. Ngoài ra, ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn đôn đốc, yêu cầu Công ty cổ phần Đức Nhân làm phương án trả nợ để ngân hàng có phương hướng giảm lãi, khoan nợ... nhưng không nhận được sự hợp tác của Công ty cổ phần Đức Nhân.

Về việc trong đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Đức Nhân có đề cập đến việc đã thanh toán số nợ tại Ngân hàng (10.488.000.000đ cần trừ lô máy móc, 5.800.000.000đ cần trừ sổ tiết kiệm của bà Hiền và 1.200.000.000đ do ông Sơn được sự ủy quyền của Công ty cổ phần Đức Nhân nộp thay). Ngân hàng xin trả lời như sau:

Về khoản cần trừ máy móc, gỗ do khách hàng mới cung cấp biên bản thỏa thuận của 2 bên, Ngân hàng đã trải qua quá trình thay đổi nhân sự, người tiếp nhận bây giờ mới biết được thông tin cần trừ này. Sau đó, ngân hàng đã về xem xét lại thấy có sự việc bàn giao như bị đơn trình bày. Tuy nhiên, theo biên bản bàn giao chỉ là bàn giao trên giấy tờ, nếu như ngân hàng đã bán được thành phẩm nào thu tiền về thì đã cần trừ cho Công ty T T có biên lai đầy đủ (đính kèm sao kê dư nợ). Ngoài ra, số vốn gốc 19.032.896.122đ đã được ông Võ Thành Nhơn giám đốc công ty chốt theo biên bản làm việc ngày 15/10/2015 (đính kèm BBLV). Như vậy, thể hiện tổng dư nợ đã được hai bên đồng ý, còn số tài sản để cần trừ nợ lúc đó ông Võ Thành Nhơn cũng biết việc Công ty Đức Nhân Bình Dương không thu mua tài sản nên không thể cần trừ nợ cho Công ty Đức Nhân Kon Tum, ông Nhơn mới nhận nợ và chốt nợ với tổng vốn gốc là 19.032.896.122đ (Khi khởi kiện ngày 24/6/2013 vốn gốc là 23.700.000.000đ trừ đi 3.467.103.878đ tiền bán được máy móc, thiết bị trừ đi 1.200.000.000đ do ông Sơn đại diện Đức Nhân nộp còn lại số tiền 19.032.896.122đ là chính xác, đều có hóa đơn chứng từ kèm theo). Theo ngân hàng biên bản này là có thật, nhưng với điều kiện Đức Nhân Bình Dương mua lại toàn bộ các tài sản này. Nhưng sau đó Đức Nhân Bình Dương lại không mua thì biên bản bàn giao không có hiệu lực, bên phía Đức Nhân cũng thừa nhận có sự thỏa thuận để Đức Nhân Bình Dương mua. Khi ký biên bản bàn giao thì các tài sản vẫn ở tại Đức Nhân, mẹ ông Nhơn giữ chìa khóa.

Đối với khoản cần trừ sổ tiết kiệm 5.800.000.000 đồng của bà Hiền, Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum không nhận được bất kỳ khoản tiền cần trừ nào. Khoản tiền này là khoản cần trừ nợ cho DAB Bình Định của Công ty cổ phần Đức Nhân Bình Định.

Còn đối với khoản tiền ông Sơn nộp ủy quyền thay cho Công ty Cổ phần Đức Nhân 1.200.000.000đ đồng tại DAB Kon Tum. Ngân hàng xác nhận là có, khoản tiền đó được hạch toán vào HĐTĐ số H0230/1, nhưng khi nộp không phải với tư cách cá nhân mà là tư cách đại diện theo ủy quyền của Đức Nhân Kon Tum.

**Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty CP Đức Nhân Kon Tum trình bày:**

Ông Đỗ Thanh Strình bày như sau: Tại biên bản làm việc ngày 15/10/2015 giữa Nguyên Phó tổng giám đốc ông Nguyễn Thanh Tùng và ông Nguyễn Thành Nhơn thì số

tiền Công ty T nợ Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum là 19.165.890.900 đồng.

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đức Nhân - Bình Định nợ Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bình Định là 15.610.000.000 đồng. Trừ nợ 02 sổ tiết kiệm của chị Đinh Thị Hiền 5.577.000.000 đồng chia theo tỷ lệ là Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum là 3.075.000.000 đồng, Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bình Định là 2.502.000.000 đồng. Việc nợ này Công ty T T đã có thiện chí trả toàn bộ máy móc, thiết bị, sản phẩm gỗ, bán thành phẩm và toàn bộ nguyên vật liệu, tài sản là đất trả lại quỹ Phát triển nhà đất Kon Tum, đã được thỏa thuận tại biên bản ngày 15/10/2015. Về nguyên tắc tài chính khi Doanh nghiệp đã lâm vào khó khăn, tài chính không còn trụ sở, không còn người lao động, mất khả năng chi trả, thanh toán nợ thì các tổ chức tín dụng phải khoan nợ, lập dự phòng tài chính để khắc phục thu nợ trên.

**Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành Nhơn bà Đinh Thị Hiền:**

Ông Đỗ Thanh Strình bày: Việc thế chấp CNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số: H0326/1 HĐBL ngày 18/12/2008. Để đảm bảo cho khoản vay tối đa 2.600.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum. Công ty T đã trả nợ xong khoản nợ trên và tất toán hợp đồng. Bà Hiền không ký bất cứ 01 hợp đồng cầm cố, bảo lãnh tài sản tiếp theo, thì hợp đồng trên là vô hiệu. Ngân hàng phải trả lại tài sản là GCNQSDĐ số H00700 do UBND quận Thủ Đức – Tp. HCM cấp ngày 19/3/2006 cho bà Đinh Thị Hiền. Ngân hàng giữ lại là gây thiệt hại về kinh tế cho bà Hiền trong việc sử dụng tài sản trên. Nay yêu cầu Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum phải thực thiện theo luật đảm bảo việc giao dịch cầm cố tài sản.

**Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ B; Công ty cổ phần Đức Nhân tại Bình Định:**

Ông Đỗ Thanh Strình bày: Đề nghị chia tỷ lệ 02 sổ tiết kiệm của bà Đinh Thị Hiền cho 02 chi nhánh Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định.

Thống nhất theo thỏa thuận trong biên bản ngày 22/8/2014 với ông Lê Khắc Sinh nguyên Giám đốc- Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum.

Thống nhất trả 2.800.000.000 đồng, đã trả 1.200.000.000 đồng còn 1.600.000.000 đồng vì bà Hiền không ký nhận thay cho Công ty T T và không ký hợp đồng vay vốn nên không phát sinh một chi phí nào.

Đề nghị trả 1.600.000.000 đồng và nhận giấy GCNQSDĐ số H00700 do UBND quận Thủ Đức – Tp.HCM cấp ngày 19/3/2006 cho bà Đinh Thị Hiền. Thống nhất như ý kiến của ông Sơn đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định:**

Tại bản tự khai ngày 09/7/2018 ông Lương Nguyễn Thanh Nhân trình bày:

Ngày 10/10/2016 khởi tín dụng có thông báo số 1653/TB-KT về việc xử lý sổ tiết kiệm của bà Đinh Thị Hiền để thu nợ cho nhóm Công ty T. Theo đó Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình định phối hợp với Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thuận An tiến hành thu hồi nợ của Công ty Đức Nhân tại Bình Định từ nguồn xử lý 02 sổ tiết kiệm của Bà Đinh Thị Hiền.

Ngày 11/10/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thuận An đã tất toán sổ tiết kiệm của bà Đinh Thị Hiền và chuyển về tài sản thu nợ của Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định với tổng số tiền là 5.576.999.888 đồng. Cùng ngày 11/10/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định cũng đã tiến hành thu nợ của Công ty Đức Nhân tại Bình Định với tổng số tiền như trên cho 04 hợp đồng vay, cụ thể:

- Hợp đồng 06301H0882/1: 1.400.000.000 đồng.
- Hợp đồng 06301H0845/1: 500.000.000 đồng.
- Hợp đồng 06301H0850/1: 276.999.888 đồng.
- Hợp đồng 06301H0851/1: 3.400.000.000 đồng.

Như vậy Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bình Định đã thực hiện việc thu hồi nợ của Công ty Đức Nhân đúng với số tiền mà Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thuận An đã tất toán sổ tiết kiệm của Bà Đinh Thị Hiền đúng như thông báo số 1653/TB- KTD ngày 11/10/2016.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh Svà cũng là đại diện của bà Trần Thị Thanh Thúy trình bày:**

Căn cứ vào thỏa thuận mua bán ngày 10-9-2014 giữa bên bán là ông Nguyễn Thành Nhơn, bà Đinh Thị Hiền và bên mua là ông Đỗ Thanh Sơn, bà Trần Thị Thanh Thúy nên vào ngày 18-9-2014 Công ty T có gửi Công văn số 166 đến Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum đề nghị xin giải chấp lô đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh mà ông Nhơn, bà Hiền đang thế chấp để đảm bảo một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty T vay vốn tại ngân hàng và được ông Lê Khắc Sinh – Nguyên Giám đốc chi nhánh Kon Tum ký xác nhận đồng ý cho Công ty CP Đức Nhân nộp đủ 2.800.000.000 đồng để giải chấp lô đất tại quận Thủ Đức, trên cơ sở thỏa thuận này và được sự đồng ý của các bên nên cá nhân tôi (Đỗ Thanh Sơn) đã nộp vào Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền là 1.200.000.000 đồng, mục đích để thay Công ty CP Đức Nhân trả nợ cho Ngân hàng và rút tài sản là lô đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh của ông Nhơn, bà Hiền đang thế chấp tại Ngân hàng, sau khi nộp được số tiền 1.200.000.000 đồng thì do có nguyên nhân khách quan nên tôi không nộp được số tiền còn lại 1.600.000.000 đồng đúng hạn. Sau đó tôi đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Ngân hàng TMCP Đông Á cho tôi tiếp tục thực hiện thỏa thuận nói trên và nộp số tiền 1.600.000.000 đồng còn lại nhưng Ngân hàng không chấp nhận.

Nay tôi làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum làm đại diện tiếp tục thực hiện thỏa thuận nói trên, để cho tôi tiếp tục nộp số tiền 1.600.000.000 đồng vào Ngân hàng và Ngân hàng giải chấp lô đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và giao cho tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ H00700 cấp ngày 09-3-2006 mang tên bà Đinh Thị Hiền để chúng tôi hoàn thiện hợp đồng mua bán.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thuận An đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thuận An không có ý kiến gì về việc Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum nộp đơn yêu cầu giải quyết Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**Với nội dung trên tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/KDTM-ST ngày 18-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 201; Điều 202; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

**Tuyên Xử:**

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, đơn đề ngày 24-6-2013.

Buộc Công ty T T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền tổng cộng là 63.117.344.217 đồng. Trong đó tiền gốc: 18.632.896.122 đồng, tiền lãi vay trong hạn: 2.214.540.000 đồng, tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11-10-2018): 42.269.908.095 đồng.

Kể từ ngày 12-10-2018 Công ty T T tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .*

- Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập về việc “*Tranh chấp về giao dịch dân sự*” của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh Sơn, đơn đề ngày 27/7/2017.

Buộc ông Đỗ Thanh Sphải nộp vào Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum số tiền 2.405.710.000 *(Hai tỷ bốn trăm linh năm triệu bảy trăm mười nghìn)* đồng, trong đó số tiền gốc: 400.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn: 103.740.000; lãi quá hạn 1.901.970.000 đồng và Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum có trách nhiệm giải chấp lô đất tại địa chỉ số 58/1, đường số 27, KP5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, hợp đồng số H0326/HĐBL ngày 18/12/2008 và Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum giao cho ông Đỗ Thanh S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ 645922, sổ vào sổ H00700; do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09-3-2006 mà bà Đinh Thị Hiền nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 673 ngày 08/01/2008 tại phòng Công chứng số 3 TP. Hồ Chí Minh và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận ngày 28/01/2008 (Số tiền này được trừ vào dư nợ gốc, lãi, lãi quá hạn của Công ty T T tại Ngân hàng TMCP Đông Á).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

\* Ngày 01-11-2018 đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Kon Tum ông Tô Minh Tuấn kháng cáo về phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đỗ Thanh Sơn ngân hàng không đồng ý.

\* Ngày 01-11-2018 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum ông Đỗ Thanh Sơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

**\* Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

- Buộc Công ty T T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền tổng cộng là: 65.523.054.217 đồng, trong đó tiền gốc: 19.032.896.122 đồng, lãi vay trong hạn: 2.318.280.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2018): 44.171.878.095 đồng.

- Phát mãi tài sản của bà Đinh Thị Hiền dùng để thế chấp cho Ngân hàng theo GCNQSDĐ số AĐ 645922, sổ vào sổ H00700 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2006 tại Ngân hàng TMCP Đông Á-Chi nhánh quận 9 - HCM

- Không đồng ý ông Đỗ Thanh Sơn nộp 1,6 tỷ đồng vào Ngân hàng để được giải chấp lô đất của bà Hiền nêu trên.

- Không đồng ý cản trở toàn bộ tài sản bàn giao giữa Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Kon Tum với Công ty T T có trị giá 10.488.784.928đ, mà chỉ chấp nhận trừ số tiền Ngân hàng đã bán thu về được 3.467.103.878đ

**\* Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:**

Không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Kon Tum, vì tài sản Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Kon Tum đã nhận từ Công ty T T có trị giá 10.488.784.928đ chưa được cấp sơ thẩm làm rõ giải quyết, đề nghị Tòa án làm rõ trừ cho Công ty T T, đồng thời trừ theo tỷ lệ nợ theo hai sổ tiết kiệm mà bà Hiền đã nộp là 3.075.000.00đ, trừ 1.200.000.000đ ông Sơn đã nộp. Như vậy, hiện nay Cty T T chỉ còn nợ Ngân hàng 4.442.890.000đ số tiền gốc.

Yêu cầu Ngân hàng điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ và khoảng nợ để đảm bảo quyền lợi của Công ty.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến giải quyết vụ án như sau:**

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ các nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong việc cho vay, nhận thế chấp tài sản, chưa làm rõ lý do bà Hiền vẫn đồng ý cho ông Sơn nộp tiền vào để giải chấp tài sản trong khi hợp đồng năm 2008 đã được tất toán. Lời khai của các đương sự còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Một số nội dung vụ án, các yêu cầu của đương sự cấp sơ thẩm không điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết một cách triệt để, đúng pháp luật, cụ thể: Tại cấp sơ thẩm bị đơn yêu cầu giải quyết khoản tiền mà Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Kon Tum đã nhận tài sản từ Công ty T T có trị giá 10.488.784.928đ, nội dung này cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ mà trong bản án chỉ nói chung chung, không đánh giá biên bản bàn giao hợp pháp hay không nếu cấp phúc thẩm điều tra, thu thập chứng cứ thì làm mất quyền kháng cáo của đương sự ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, án phí và lệ phí Tòa án tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2018/KDTM-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án thành phố Kon Tum và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của bên nguyên đơn, đơn kháng cáo của bên bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần (Cty CP) Đức Nhân Kon Tum ông Đỗ Thanh Sơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 10/KDTM-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và thu thập tại cấp phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Sau khi Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum ngừng hoạt động, không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đông Á- Chi nhánh Kon Tum, thì giữa Cty CP Đức Nhân Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đông Á có thỏa thuận: Cty CP Đức nhân Kon Tum bàn giao toàn bộ tài sản (Gỗ, gỗ thành phẩm, các thiết bị, máy móc) trị giá 10.488.784.928đ cho Ngân hàng để bán nhằm cân trừ một phần nợ cho Cty (theo biên bản bàn giao tháng 10/2013 tại BL 531). Về nội dung này, tại cấp sơ thẩm Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum cho rằng: Sau khi nhận tài sản của Cty Đức Nhân Kon Tum do không bán được nên không đồng ý cân trừ một phần nợ cho Cty. Còn tại phần nhận định của bản án sơ thẩm có nêu **“Công ty T đã giao toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, sản phẩm gỗ và bán thành phẩm cho Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum”**, bản án sơ thẩm chỉ nêu, mà không nhận định, đánh giá, phân tích toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, sản phẩm gỗ và bán thành phẩm đã giao cho Ngân hàng để nhằm mục đích gì, sau khi bàn giao thì Ngân hàng và Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum có thỏa thuận như thế nào, hiện nay tài sản này còn không hay ngân hàng đã xử lý, bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý về toàn bộ tài sản này và

sau đó có được Ngân hàng cản trừ một phần vào nợ cho Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum chưa. Tất cả các nội dung này cấp sơ thẩm chưa điều tra, đánh giá, phân tích làm rõ. Hơn nữa, bản án sơ thẩm nhận định rằng, *“các tài liệu chứng cứ do Công ty T cung cấp, Ngân hàng TMCP Đông Á thừa nhận đây là những biên bản được lập giữa công ty Đức Nhân và Ngân hàng TMCP Đông Á, Ngân hàng chưa nắm rõ và chưa hoạch toán vào công nợ Công ty T được vì có sự thay đổi nhân sự trong thời gian dài”*. Về nội dung này lẽ ra cấp sơ thẩm phải yêu cầu Ngân hàng tính toán cụ thể có hay không việc Công ty T KonTum đã thỏa thuận các phương án trả nợ cho Ngân hàng, còn việc Ngân hàng thay đổi nhân sự trong thời gian dài thì việc nội bộ của Ngân hàng không liên quan việc cung cấp và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án.

Tại biên bản đối chất ngày 13/3/2019, cũng như tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Kon Tum khai: Sau khi nhận tài sản máy móc thiết bị, sản phẩm gỗ và bán thành phẩm từ Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum (theo biên bản bàn giao tháng 10/2013) thì Ngân hàng có bán thu về được 3.467.103.878đ và hiện nay vẫn còn một số tài sản đã hư hỏng đang lưu giữ tại nhà cá nhân của nhân viên Ngân hàng ước tính khoảng gần 100.000.000đ, nội dung này mặc dù các đương sự đã yêu cầu, nêu tại cấp sơ thẩm (BL 637, 638, 643) nhưng chưa được thu thập, làm rõ và nếu cấp phúc thẩm giải quyết sẽ mất quyền kháng cáo của các đương sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[1.2] Về 2 sổ tiết kiệm của bà Đinh Thị Hiền số tiền 5.576.999.888đ gửi tại ngân hàng Đông Á: Vào ngày 11/10/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thuận An đã tắt toán sổ tiết kiệm của bà Đinh Thị Hiền và chuyển về tài sản thu nợ của Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định với tổng số tiền là 5.576.999.888đ. Cùng ngày 11/10/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định cũng đã tiến hành thu nợ của Công ty Đức Nhân Bình Định với tổng số tiền như trên. Tuy nhiên, nguyện vọng của bà Đinh Thị Hiền dùng tài sản cá nhân của bà để cản trừ cho hai Công ty (Đức Nhân Kon Tum và Đức nhân Bình Định), nhưng sau đó chỉ cản trừ toàn bộ giá trị hai sổ tiết kiệm này cho Công ty T Bình Định, mà không được trừ vào khoản nợ cho Cty T T cản trừ, nội dung này cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ.

[1.3] Về người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Hiền ủy quyền cho ông Đỗ Thanh Stham gia tố tụng tại phiên tòa và toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, bà Đinh Thị Hiền yêu cầu Ngân hàng phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 645922, số vào sổ H00700 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2006 tại Ngân hàng TMCP Đông Á-Chi nhánh quận 9-HCM cho bà. Bà Hiền cho rằng hợp đồng tín dụng số H0003/1-NT ký tháng 12/2008 được bảo đảm bởi GCNQSDĐ của bà, hợp đồng tín dụng đã được Cty T T thanh toán đủ và hợp đồng đã được tắt toán. Còn ông Đỗ Thanh Slà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu tiếp tục nộp số tiền 1.600.000.000đ vào Ngân hàng giải chấp GCNQSDĐ trên để ông cùng với vợ, chồng bà Hiền làm thủ tục chuyển nhượng. Như vậy, ông Sơn yêu cầu được nộp tiền vào Ngân hàng để được giải chấp lô đất, còn bà Hiền yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vô điều kiện, quyền và lợi ích hợp pháp của hai đương sự bà Hiền, ông Sơn đối lập nhau. Ông Sơn còn đại diện theo ủy quyền cho Công ty Đức Nhân tại Bình Định và Công ty Đức Nhân Kon Tum có liên quan đến khoản tiền tiết kiệm như nhận định ở đoạn 1.2 trên. Hiện nay toàn bộ giá trị của 02 sổ tiết kiệm này đã được

Ngân hàng tại Bình Định trừ nợ cho Công ty Đức Nhân tại Bình Định. Về mặt pháp lý thì 02 Cty này hoạt động độc lập không liên quan gì với nhau (không phải là chi nhánh công ty mẹ, công ty con). Ông Sơn ý kiến muốn lấy lại tiền đã trừ nợ cho Công ty Đức nhân bình Định để trừ một phần cho Công ty Đức Nhân Kon Tum. Như vậy, cả hai Cty không thống nhất và có sự tranh chấp về việc trả nợ thay của bà Hiền. Do đó, ông Sơn không thể đại diện theo ủy quyền cùng một lúc cho 02 Công ty được vì quyền và lợi ích hợp pháp của 02 Công ty này đối lập nhau. Hai nội dung này cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận để ông Sơn đại diện theo ủy quyền cho bà Hiền và cho 02 Công ty. Cấp sơ thẩm chấp nhận việc ủy quyền này là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTDS.

[1.4] Về phần điều chỉnh lãi suất thấy: Tại điều 8 trong 10 hợp đồng tín dụng có thỏa thuận bên ngân hàng phải chủ động điều chỉnh lãi suất hàng tháng, nhưng không quy định phải có điều kiện thì bên ngân hàng mới có cơ sở để điều chỉnh lãi. Nên buộc ngân hàng phải điều chỉnh lãi theo quy định tại Điều 8 của các hợp đồng tín dụng cho Công ty Đức Nhân. Cấp sơ thẩm không yêu cầu ngân hàng điều chỉnh lãi suất là vi phạm điều khoản của hợp đồng tín dụng.

[2] Xét kháng cáo đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum cho rằng không đồng ý cho ông Đỗ Thanh Sơn nộp tiền vào để giải chấp lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh của ông Võ Thành Nhơn và bà Đinh Thị Hiền thấy rằng:

Tại đơn yêu cầu độc lập của ông Đỗ Thanh Sơn đề ngày 27-7-2017 và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện yêu cầu của ông Sơn muốn tiếp tục thực hiện thỏa thuận với ngân hàng nộp số tiền 1.600.000.000đ theo Công văn số 166 ngày 18-9-2014 để giải chấp quyền sử dụng đất số vào sổ H00700 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09-3-2006 của bà Đinh Thị Hiền và ông Võ Thành Nhơn. Ông Sơn có yêu cầu độc lập tiếp tục thực hiện thỏa thuận nộp số tiền 1.600.000.000đ để được giải chấp lô đất nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Sơn nộp 2.405.710.000đ để giải chấp lô đất là vượt quá yêu cầu của ông Sơn. Đối với khoản tiền này tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Sơn không biết, không hiểu lý do tại sao bản án lại buộc ông phải nộp vào Ngân hàng 2.405.710.000đ để được giải chấp lô đất là khoản tiền lấy từ đâu ra, trong khi nguyên đơn, bị đơn và cả ông Sơn không yêu cầu về khoản tiền này. Đối với nội dung này cấp sơ thẩm giải quyết không có căn cứ pháp luật. Mặt khác, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Sơn mà không đánh giá chứng cứ, không xem xét ý kiến của ngân hàng có căn cứ hay không là chưa toàn diện.

Ngoài ra, năm 2008 bà Hiền thế chấp lô đất tại ngân hàng Quận 9 để vay vốn (Hợp đồng vay vốn H0003/1-NT ký tháng 12/2008). Tuy nhiên, hợp đồng này đã được thanh lý, nhưng Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Kon Tum chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hiền. Đối với tất cả các hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng Đông Á Kon Tum và Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum mà nguyên đơn khởi kiện không thể hiện việc thế chấp lô đất trên để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum. Việc cấp sơ thẩm buộc ông Sơn nộp 2.405.710.000đ để yêu cầu ngân hàng TMCP Đông Á Kon Tum giải chấp lô đất là không có căn cứ, trong khi bà Hiền có yêu cầu ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà là thiếu sót.

[3] Trên cơ sở các phân tích nêu trên và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi giải quyết, xét xử vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án; chưa xem xét giải quyết đầy đủ, toàn diện các yêu cầu của đương sự; có một số nội dung cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được; cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của ông Sơn, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng nhưng quyền và lợi ích hợp pháp bị đối lập nhau là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tô Minh Tuấn là đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Đỗ Thanh Sơn là đại diện hợp pháp của bị đơn. Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về phần án phí và chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên những người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ tại cấp phúc thẩm ông Đỗ Thanh Sơn tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sơ thẩm được quyết định lại khi giải quyết sơ thẩm lại.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/KDTM-ST ngày 18-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tranh chấp về giao dịch dân sự*” giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á với bị đơn Công ty cổ phần Đức Nhân Kon Tum. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á Kon Tum số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do ông Nguyễn Văn Phước nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002382 ngày 06-11-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Trả lại cho ông Đỗ Thanh Sơn số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002384 ngày 13-11-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (23-5-2019).

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS Tp.Kon Tum;
- VKSND Tp.Kon Tum;
- TAND Tp.Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tỷ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



\

***Nơi nhận:***

- TAND CC tại Đà Nẵng; **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
- VKSND t. Kon Tum; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Chi cục THADS h. Đắk Tô
- VKSND h. Đắk Tô;
- TAND h. Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Nguyên**



